ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116/QĐ-TMDL

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công nhận kết quả điểm rèn luyện học sinh, sinh viên học kỳ II năm học 2025 - 2026**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

*Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01 tháng 09 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2026 của UBND Thành phố Hà Nội về tổ chức lại dưới hình thức sáp nhập và hợp nhất Trường Trung cấp nghề Nấu ăn - Nghiệp vụ du lịch và thời trang Hà Nội, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội và Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội thành Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;*

*Căn cứ Thông tư số 63/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung cấp, trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TMDL ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc ban hành "Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên" tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội và Quyết định số 613/QĐ-TMDL ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 652/QĐ-TMDL ngày 11 tháng 12 năm 2023;*

*Căn cứ Phiếu đánh giá kết quả điểm rèn luyện và Biên bản thống nhất tại cuộc họp Hội đồng đánh giá kết quả điểm rèn luyện của học sinh, sinh viên và xét thi đua tập thể lớp học kỳ II năm học 2025-2026 ngày 17 tháng 11 năm 2026;*

*Theo đề nghị của Phụ trách phòng Công tác Học sinh - Sinh viên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2025 - 2026 đối với: 2.284 sinh viên Cao đẳng khóa 16,17 và Trung cấp 60 (*có danh sách kèm theo*) trong đó:

- Xếp loại rèn luyện xuất sắc: 89 sinh viên/2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 3,9%
- Xếp loại rèn luyện tốt: 928 sinh viên/2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 40,6%
- Xếp loại rèn luyện khá: 825 sinh viên/2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 36,1%
- Xếp loại rèn luyện trung bình: 235 sinh viên/2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 10,3%
- Xếp loại rèn luyện yếu: 09 sinh viên/2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 0,4%
- Xếp loại rèn luyện kém: 198 sinh viên /2.284 sinh viên đạt tỷ lệ 8,7%

**Điều 2.** Kết quả đánh giá điểm rèn luyện học sinh, sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý học sinh, sinh viên và sử dụng vào việc xét học bổng khuyến khích học tập.

**Điều 3**: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Phòng, Khoa, Trung tâm và các em học sinh, sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3: để thực hiện;
- Lưu: VT,CTHSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**




**Trịnh Thị Thu Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB17A Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB17038 | Ngô Quỳnh Anh | 80 | Tốt | |
| 2 | CB17042 | Nguyễn Quốc Anh | 80 | Tốt | |
| 3 | CB17034 | Phạm Như Chi | 80 | Tốt | |
| 4 | CB17024 | Phạm Xuân Cường | 80 | Tốt | |
| 5 | CB17045 | Nguyễn Tuấn Đạt | 80 | Tốt | |
| 6 | CB17018 | Trần Minh Điệp | 0 | Kém | |
| 7 | CB17040 | Lê Văn Dũng | 80 | Tốt | |
| 8 | CB17041 | Nguyễn Mậu Hải Dương | 0 | Kém | |
| 9 | CB17035 | Lê Đức Duy | 0 | Kém | |
| 10 | CB17031 | Dương Thị Hà | 80 | Tốt | |
| 11 | CB17037 | Triệu Việt Hà | 80 | Tốt | |
| 12 | CB17001 | Lê Quang Hiển | 0 | Kém | |
| 13 | CB17026 | Nguyễn Đình Hiếu | 80 | Tốt | |
| 14 | CB17022 | Nguyễn Hoàng Trung Hiếu | 77 | Khá | |
| 15 | CB17010 | Nguyễn Văn Hiếu | 80 | Tốt | |
| 16 | CB17006 | Vũ Quang Hiếu | 80 | Tốt | |
| 17 | CB17044 | Nguyễn Hữu Hiệu | 80 | Tốt | |
| 18 | CB17025 | Trần Đình Huy | 80 | Tốt | |
| 19 | CB17020 | Phạm Quang Khải | 80 | Tốt | |
| 20 | CB17016 | Phạm Trung Kiên | 80 | Tốt | |
| 21 | CB17036 | Chu Ngọc Linh | 82 | Tốt | |
| 22 | CB17009 | Nguyễn Duy Long | 80 | Tốt | |
| 23 | CB17030 | Trương Đình Long | 80 | Tốt | |
| 24 | CB17012 | Lê Thị Trà My | 80 | Tốt | |
| 25 | CB17191 | Tạ Ngọc Nam | 80 | Tốt | |
| 26 | CB17023 | Vương Như Phú | 83 | Tốt | |
| 27 | CB17188 | Trần Quang Thắng | 80 | Tốt | |
| 28 | CB17192 | Bùi Cao Tiến Thành | 82 | Tốt | |
| 29 | CB17027 | Bùi Tất Thành | 87 | Tốt | |
| 30 | CB17019 | Lê Nguyễn Diệu Thảo | 80 | Tốt | |
| 31 | CB17008 | Mai Xuân Thịnh | 82 | Tốt | |
| 32 | CB17028 | Ngô Quang Tiến | 85 | Tốt | |
| 33 | CB17029 | Phạm Thành Trung | 80 | Tốt | |
| 34 | CB17032 | Hà Văn Trường | 77 | Khá | |
| 35 | CB17015 | Vũ Xuân Tùng | 80 | Tốt | |
| 36 | CB17002 | Bùi Anh Văn | 79 | Khá | |
| 37 | CB17013 | Hoàng Xuân Văn | 76 | Khá | |
| 38 | CB17043 | Đỗ Quang Vinh | 80 | Tốt | |
| 39 | CB17033 | Nguyễn Huy Vũ | 80 | Tốt | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 31 | 79.49% |
| Khá | 4 | 10.26% |
| Trung bình | 0 | 0.00% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 4 | 10.26% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**



**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Thu Hoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB17B Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB17048 | Xa Bình An | 71 | Khá | |
| 2 | CB17059 | Nguyễn Duy Anh | 72 | Khá | |
| 3 | CB17081 | Nguyễn Quang Anh | 78 | Khá | |
| 4 | CB17047 | Trịnh Nam Anh | 74 | Khá | |
| 5 | CB17067 | Vương Duy Bách | 75 | Khá | |
| 6 | CB17073 | Nguyễn Công Chiểu | 80 | Tốt | |
| 7 | CB17080 | Đỗ Văn Đàm | 65 | Trung bình | |
| 8 | CB17061 | Nguyễn Thị Diệp | 75 | Khá | |
| 9 | CB17079 | Lưu Văn Duẩn | 74 | Khá | |
| 10 | CB17077 | Lê Kinh Đức | 73 | Khá | |
| 11 | CB17051 | Nguyễn Tiến Dũng | 79 | Khá | |
| 12 | CB17066 | Phạm Tiến Dũng | 0 | Kém | |
| 13 | CB17084 | Tạ Quang Dũng | 0 | Kém | |
| 14 | CB17049 | Dương Đăng Dương | 76 | Khá | |
| 15 | CB17064 | Giang Vũ Duy | 0 | Kém | |
| 16 | CB17070 | Đỗ Xuân Hải | 74 | Khá | |
| 17 | CB17086 | Nguyễn Sinh Hùng | 55 | Trung bình | |
| 18 | CB17058 | Nùng Xuân Hùng | 0 | Kém | |
| 19 | CB17082 | Nguyễn Huy Hưng | 76 | Khá | |
| 20 | CB17089 | Nguyễn Thu Huyền | 65 | Trung bình | |
| 21 | CB17055 | Nguyễn Duy Khánh | 70 | Khá | |
| 22 | CB17085 | Đỗ Viết Long | 71 | Khá | |
| 23 | CB17052 | Phạm Đoàn Quang Long | 80 | Tốt | |
| 24 | CB17060 | Vũ Thành Long | 80 | Tốt | |
| 25 | CB17046 | Mạc Thành Luân | 74 | Khá | |
| 26 | CB17196 | Nguyễn Trọng Mạnh | 80 | Tốt | |
| 27 | CB17075 | Nguyễn Long Nhật | 79 | Khá | |
| 28 | CB17053 | Phùng Xuân Tuấn Phong | 65 | Trung bình | |
| 29 | CB17072 | Đào Khắc Quý | 80 | Tốt | |
| 30 | CB17087 | Lê Minh Quyền | 0 | Kém | |
| 31 | CB17050 | Đỗ Ngọc Tân | 80 | Tốt | |
| 32 | CB17083 | Nguyễn Văn Nhật Tân | 80 | Tốt | |
| 33 | CB17071 | Phạm Duy Thanh | 74 | Khá | |
| 34 | CB17054 | Đinh Nhật Toàn | 83 | Tốt | |
| 35 | CB17197 | Bùi Thu Trang | 80 | Tốt | |
| 36 | CB17069 | Trần Quốc Triệu | 80 | Tốt | |
| 37 | CB17195 | Nguyễn Duy Trung | 74 | Khá | |
| 38 | CB17074 | Trịnh Văn Tứ | 76 | Khá | |
| 39 | CB17056 | Phạm Anh Tuấn | 80 | Tốt | |
| 40 | CB17090 | Bùi Thúy Yên | 77 | Khá | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 11 | 27.50% |
| Khá | 20 | 50.00% |
| Trung bình | 4 | 10.00% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 5 | 12.50% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB17C Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB17113 | Đào Thái An | 80 | Tốt | |
| 2 | CB17110 | Tạ Trâm Anh | 80 | Tốt | |
| 3 | CB17198 | Lê Hải Đăng | 80 | Tốt | |
| 4 | CB17123 | Nguyễn Tiến Đạt | 78 | Khá | |
| 5 | CB17099 | Nguyễn Vũ Đạt | 0 | Kém | |
| 6 | CB17091 | Nguyễn Bá Đức | 82 | Tốt | |
| 7 | CB17094 | Đặng Văn Dương | 80 | Tốt | |
| 8 | CB17107 | Vũ Ngọc Dương | 80 | Tốt | |
| 9 | CB17132 | Trịnh Phương Duy | 80 | Tốt | |
| 10 | CB17105 | Nguyễn Hoàng Hải | 77 | Khá | |
| 11 | CB17098 | Nguyễn Đỗ Hiền | 83 | Tốt | |
| 12 | CB17127 | Đặng Thế Hiệp | 77 | Khá | |
| 13 | CB17104 | Lê Huy Hoàng | 77 | Khá | |
| 14 | CB17096 | Nguyễn Văn Huy | 78 | Khá | |
| 15 | CB17122 | Hà Thương Huyền | 82 | Tốt | |
| 16 | CB17202 | Lê Tuấn Khang | 80 | Tốt | |
| 17 | CB17101 | Cao Văn Khuê | 80 | Tốt | |
| 18 | CB17130 | Vũ Trung Kiên | 80 | Tốt | |
| 19 | CB17200 | Vũ Anh Kiệt | 82 | Tốt | |
| 20 | CB17229 | Trần Tạ Đức Lâm | 0 | Kém | |
| 21 | CB17201 | Phạm Ngọc Mạnh | 80 | Tốt | |
| 22 | CB17135 | Trần Văn Mạnh | 79 | Khá | |
| 23 | CB17108 | Khổng Lương Minh | 78 | Khá | |
| 24 | CB17117 | Nguyễn T. Nhật Nam | 80 | Tốt | |
| 25 | CB17092 | Nguyễn Quỳnh Nga | 83 | Tốt | |
| 26 | CB17106 | Lưu Hồng Ngọc | 80 | Tốt | |
| 27 | CB17183 | Nguyễn Danh Phong | 77 | Khá | |
| 28 | CB17097 | Phạm Minh Quân | 52 | Trung bình | |
| 29 | CB17129 | Đoàn Minh Thăng | 80 | Tốt | |
| 30 | CB17102 | Vũ Đức Thắng | 79 | Khá | |
| 31 | CB17118 | Nguyễn T. Hồng Trang | 82 | Tốt | |
| 32 | CB17128 | Phạm Minh Triết | 80 | Tốt | |
| 33 | CB17134 | Giản Viết Trung | 80 | Tốt | |
| 34 | CB17111 | Hoàng Đức Việt | 69 | Trung bình | |
| 35 | CB17103 | Hoàng Thế Vũ | 80 | Tốt | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 22 | 62.86% |
| Khá | 9 | 25.71% |
| Trung bình | 2 | 5.71% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 2 | 5.71% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB17D Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB17220 | Nguyễn Duy Anh | 80 | Tốt | |
| 2 | CB17170 | Phạm Hải Anh | 74 | Khá | |
| 3 | CB17155 | Nguyễn Văn Bắc | 80 | Tốt | |
| 4 | CB17172 | Mai Xuân Bách | 80 | Tốt | |
| 5 | CB17143 | Bùi Thế Bảo | 79 | Khá | |
| 6 | CB17144 | Vũ Tuấn Cảnh | 79 | Khá | |
| 7 | CB17151 | Hoàng Gia Đan | 0 | Kém | |
| 8 | CB17160 | Hoàng Thế Đan | 67 | Trung bình | |
| 9 | CB17173 | Lê Tiến Đạt | 80 | Tốt | |
| 10 | CB17157 | Nguyễn Tiến Đạt | 62 | Trung bình | |
| 11 | CB17161 | Ly Thị Dính Di | 80 | Tốt | |
| 12 | CB17184 | Dương Tuấn Định | 0 | Kém | |
| 13 | CB17168 | Ngô Văn Dũng | 78 | Khá | |
| 14 | CB17142 | Vũ Đức Hải Dương | 76 | Khá | |
| 15 | CB17218 | Dương Văn Duy | 76 | Khá | |
| 16 | CB17223 | Kiều Quang Duy | 0 | Kém | |
| 17 | CB17231 | Đào Lê Nguyên Giáp | 0 | Kém | |
| 18 | CB17208 | Đặng Hoàng Hải | 0 | Kém | |
| 19 | CB17219 | Đặng Thế Việt Hiếu | 79 | Khá | |
| 20 | CB17158 | Ngô Minh Hiếu | 85 | Tốt | |
| 21 | CB17149 | Lê Quang Hưng | 75 | Khá | |
| 22 | CB17221 | Nguyễn Thành Hưng | 0 | Kém | |
| 23 | CB17210 | Nguyễn Gia Huy | 77 | Khá | |
| 24 | CB17145 | Dương Trung Kiên | 79 | Khá | |
| 25 | CB17150 | Nguyễn Văn Linh | 80 | Tốt | |
| 26 | CB17165 | Nguyễn Vũ Tài Lực | 71 | Khá | |
| 27 | CB17228 | Bùi Nhật Minh | 80 | Tốt | |
| 28 | CB17186 | Hoàng Quốc Minh | 80 | Tốt | |
| 29 | CB17207 | Mai Quang Minh | 74 | Khá | |
| 30 | CB17205 | Nguyễn Ngọc Minh | 0 | Kém | |
| 31 | CB17215 | Trương Thúy Minh | 80 | Tốt | |
| 32 | CB17232 | Cao Đức Nam | 0 | Kém | |
| 33 | CB17166 | Đào Duy Nam | 79 | Khá | |
| 34 | CB17204 | Bùi Hà Hoàng Nguyên | 0 | Kém | |
| 35 | CB17203 | Đào Trung Nguyên | 65 | Trung bình | |
| 36 | CB17209 | Đặng Long Nhật | 80 | Tốt | |
| 37 | CB17141 | Nguyễn Hồng Phong | 80 | Tốt | |
| 38 | CB17146 | Nguyễn Tất Phú | 0 | Kém | |
| 39 | CB17169 | Nguyễn Nhật Phương | 80 | Tốt | |
| 40 | CB17185 | Phạm Ngọc Quảng | 79 | Khá | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 41 | CB17171 | Nguyễn Như Quỳnh | 83 | Tốt | |
| 42 | CB17136 | Trần Nhật Tâm | 80 | Tốt | |
| 43 | CB17148 | Nguyễn Đức Thắng | 0 | Kém | |
| 44 | CB17237 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 80 | Tốt | |
| 45 | CB17175 | Nguyễn Đình Thiêm | 0 | Kém | |
| 46 | CB17180 | Nguyễn Văn Thiết | 74 | Khá | |
| 47 | CB17162 | Trương Công Thường | 76 | Khá | |
| 48 | CB17176 | Phạm Ngọc Tiến | 80 | Tốt | |
| 49 | CB17174 | Lê Khánh Toàn | 0 | Kém | |
| 50 | CB17140 | Vũ Đức Trà | 0 | Kém | |
| 51 | CB17206 | Nguyễn Văn Triệu | 59 | Trung bình | |
| 52 | CB17216 | Lê Hoàng Tú | 72 | Khá | |
| 53 | CB17178 | Đỗ Anh Tuấn | 80 | Tốt | |
| 54 | CB17181 | Nguyễn Hoàng Tùng | 80 | Tốt | |
| 55 | CB17177 | Nguyên Quốc Việt | 50 | Trung bình | |
| 56 | CB17233 | Nguyễn Hồng Vinh | 76 | Khá | |
| 57 | CB17217 | Trịnh Đăng Vinh | 78 | Khá | |
| 58 | CB17224 | Lại Văn Vượng | 60 | Trung bình | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 19 | 32.76% |
| Khá | 19 | 32.76% |
| Trung bình | 6 | 10.34% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 14 | 24.14% |

*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Thu Hoài**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB16A Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB16003 | Đinh Đỗ Hoàng Anh | 84 | Tốt | |
| 2 | CB16048 | Trương Hữu Đức Anh | 80 | Tốt | |
| 3 | CB16027 | Nguyễn Thế Bách | 80 | Tốt | |
| 4 | CB16044 | Bùi Văn Đức | 80 | Tốt | |
| 5 | CB16049 | Hoàng Việt Dũng | 80 | Tốt | |
| 6 | CB16018 | Nguyễn Tấn Dũng | 79 | Khá | |
| 7 | CB16047 | Hà Đức Duy | 80 | Tốt | |
| 8 | CB16045 | Phùng Văn Duy | 83 | Tốt | |
| 9 | CB16010 | Lê Minh Hải | 90 | Xuất sắc | |
| 10 | CB16070 | Nguyễn Hoàng Hải | 83 | Tốt | |
| 11 | CB16023 | Nguyễn Thanh Hằng | 85 | Tốt | |
| 12 | CB16017 | Nguyễn Thái Hậu | 100 | Xuất sắc | |
| 13 | CB16016 | Phạm Văn Hiển | 88 | Tốt | |
| 14 | CB16029 | Phạm Thanh Hoà | 80 | Tốt | |
| 15 | CB16036 | Bùi Mạnh Hùng | 83 | Tốt | |
| 16 | CB16005 | Bùi Mai Hương | 80 | Tốt | |
| 17 | CB16001 | Hoàng Văn Huy | 93 | Xuất sắc | |
| 18 | CB16042 | Xa Quang Khải | 77 | Khá | |
| 19 | CB16006 | Nguyễn Mai Tùng Lâm | 80 | Tốt | |
| 20 | CB16009 | Cù Ngọc Bảo Long | 80 | Tốt | |
| 21 | CB16032 | Đặng Thanh Long | 83 | Tốt | |
| 22 | CB16020 | Nguyễn Công Nam | 80 | Tốt | |
| 23 | CB16022 | Nguyễn Thị Kim Ngân | 80 | Tốt | |
| 24 | CB16026 | Trần Văn Vũ Ngọc | 67 | Trung bình | |
| 25 | CB16031 | Nguyễn Ngọc Nguyên | 80 | Tốt | |
| 26 | CB16039 | Mai Văn Nguyễn | 83 | Tốt | |
| 27 | CB16035 | Nguyễn Tấn Phát | 80 | Tốt | |
| 28 | CB16073 | Nguyễn Tấn Phát | 83 | Tốt | |
| 29 | CB16041 | Trần Tuấn Phong | 76 | Khá | |
| 30 | CB16028 | Nguyễn Thanh Phú | 80 | Tốt | |
| 31 | CB16007 | Phan Mạnh Quang | 83 | Tốt | |
| 32 | CB16008 | Bùi Minh Thanh | 80 | Tốt | |
| 33 | CB16043 | Đinh Bảo Thanh | 80 | Tốt | |
| 34 | CB16021 | Dương Thị Thanh | 84 | Tốt | |
| 35 | CB16012 | Phạm Phương Thảo | 72 | Khá | |
| 36 | CB16040 | Nguyễn Bá Thọ | 80 | Tốt | |
| 37 | CB16091 | Nguyễn Việt Tiến | 80 | Tốt | |
| 38 | CB16038 | Đặng Thanh Trà | 80 | Tốt | |
| 39 | CB16046 | Nguyễn Thông Văn | 80 | Tốt | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 40 | CB16034 | Lý Khánh Vinh | 80 | Tốt | |
| 41 | CB16037 | Phạm Minh Vũ | 82 | Tốt | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 3 | 7.32% |
| Tốt | 33 | 80.49% |
| Khá | 4 | 9.76% |
| Trung bình | 1 | 2.44% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 0 | 0.00% |

*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Hoàng Thị Tuyết Mai**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB16B Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB16060 | Nguyễn Mai Anh | 82 | Tốt | |
| 2 | CB16058 | Phí Diệu Anh | 55 | Trung bình | |
| 3 | CB16002 | Nguyễn Thị Vân Ánh | 82 | Tốt | |
| 4 | CB16078 | Triệu Văn Chung | 79 | Khá | |
| 5 | CB16080 | Chu Tiến Đạt | 71 | Khá | |
| 6 | CB16101 | Phạm Thành Đạt | 72 | Khá | |
| 7 | CB16055 | Phan Công Đạt | 80 | Tốt | |
| 8 | CB16097 | Hoàng Kim Đông | 80 | Tốt | |
| 9 | CB16085 | Bùi Minh Đức | 80 | Tốt | |
| 10 | CB16075 | Lê Khả Dũng | 83 | Tốt | |
| 11 | CB16095 | Trần Nho Dương | 80 | Tốt | |
| 12 | CB16056 | Vũ Thị Hương Giang | 82 | Tốt | |
| 13 | CB16096 | Hạng Quang Hải | 85 | Tốt | |
| 14 | CB16082 | Nguyễn Văn Hiệp | 74 | Khá | |
| 15 | CB16084 | Nguyễn Minh Hiếu | 71 | Khá | |
| 16 | CB16094 | Phạm Văn Hiếu | 71 | Khá | |
| 17 | CB16093 | Nguyễn Xuân Hoàng | 72 | Khá | |
| 18 | CB16088 | Nguyễn Mạnh Hùng | 85 | Tốt | |
| 19 | CB16065 | Nguyễn Duy Hưng | 100 | Xuất sắc | |
| 20 | CB16071 | Nguyễn Văn Huy | 88 | Tốt | |
| 21 | CB16099 | Nguyễn Trung Kiên | 78 | Khá | |
| 22 | CB16089 | Lê Hữu Linh | 80 | Tốt | |
| 23 | CB16180 | Hạng Quang Long | 80 | Tốt | |
| 24 | CB16067 | Nguyễn Tiến Long | 80 | Tốt | |
| 25 | CB16072 | Vũ Văn Nam | 80 | Tốt | |
| 26 | CB15086 | Vũ Gia Nghĩa | 85 | Tốt | |
| 27 | CB16068 | Phạm Văn Ngọc | 100 | Xuất sắc | |
| 28 | CB16086 | Châu Văn Quân | 80 | Tốt | |
| 29 | CB16069 | Nguyễn Minh Quang | 80 | Tốt | |
| 30 | CB16057 | Đỗ Ngọc Quý | 80 | Tốt | |
| 31 | CB16100 | Nguyễn Văn Quyền | 80 | Tốt | |
| 32 | CB16052 | Nguyễn Quang Sáng | 78 | Khá | |
| 33 | CB16103 | Lê Thành Tiệp | 80 | Tốt | |
| 34 | CB16087 | Nguyễn Anh Tuấn | 80 | Tốt | |
| 35 | CB16063 | Nguyễn Danh Tuấn | 80 | Tốt | |
| 36 | CB16059 | Nguyễn Đình Tuấn | 83 | Tốt | |
| 37 | CB16092 | Lưu Văn Tuyên | 80 | Tốt | |
| 38 | CB16081 | Bùi Khắc Vũ | 73 | Khá | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 2 | 5.26% |
| Tốt | 25 | 65.79% |
| Khá | 10 | 26.32% |
| Trung bình | 1 | 2.63% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 0 | 0.00% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Hoàng Thị Tuyết Mai**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: KTCB16C Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CB16143 | Nguyễn Cát Anh | 77 | Khá | |
| 2 | CB16120 | Nguyễn Hải Đăng | 79 | Khá | |
| 3 | CB16133 | Đặng Hoàng Đạt | 80 | Tốt | |
| 4 | CB16137 | Uông Ngọc Đồng | 62 | Trung bình | |
| 5 | CB16110 | Nguyễn Thị Hồng Đức | 82 | Tốt | |
| 6 | CB16119 | Nguyễn Hồng Dương | 73 | Khá | |
| 7 | CB16123 | Đặng Lê Duy | 75 | Khá | |
| 8 | CB16127 | Hoàng Trọng Hiên | 83 | Tốt | |
| 9 | CB16135 | Lê Đình Hiếu | 83 | Tốt | |
| 10 | CB16121 | Nguyễn Việt Huấn | 78 | Khá | |
| 11 | CB16126 | Dương Quốc Khánh | 80 | Tốt | |
| 12 | CB16134 | Nguyễn Đình Khánh | 72 | Khá | |
| 13 | CB16128 | Trần Hữu Minh Kiên | 78 | Khá | |
| 14 | CB16141 | Bùi Tuấn Kiệt | 78 | Khá | |
| 15 | CB16124 | Mai Xuân Linh | 72 | Khá | |
| 16 | CB16150 | Nguyễn Đức Long | 78 | Khá | |
| 17 | CB16140 | Ninh Viết Mạnh | 78 | Khá | |
| 18 | CB16131 | Hà Đức Minh | 76 | Khá | |
| 19 | CB16115 | Trần Quang Minh | 78 | Khá | |
| 20 | CB16167 | Nguyễn Bá Nam | 71 | Khá | |
| 21 | CB16104 | Nguyễn Thị Tuyết Nhi | 78 | Khá | |
| 22 | CB16118 | Nguyễn Đức Phong | 78 | Khá | |
| 23 | CB16122 | Ng. Đức Thanh Quang | 71 | Khá | |
| 24 | CB16111 | Nguyễn Như Quyết | 73 | Khá | |
| 25 | CB16105 | Trần Quang Thái | 80 | Tốt | |
| 26 | CB16132 | Trịnh Công Thành | 78 | Khá | |
| 27 | CB16108 | Vũ Phương Thảo | 80 | Tốt | |
| 28 | CB16142 | Lê Thị Phương Trà | 77 | Khá | |
| 29 | CB16129 | Nguyễn Quỳnh Trang | 83 | Tốt | |
| 30 | CB16146 | Nguyễn Ngọc Tú | 77 | Khá | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 8 | 26.67% |
| Khá | 21 | 70.00% |
| Trung bình | 1 | 3.33% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 0 | 0.00% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

| PHÒNG CÔNG TÁC HSSV | Người lập biểu |
| --- | --- |
| Lê Diệu Thúy | Hoàng Thị Tuyết Mai |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG**
**THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG TỔNG HỢPĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN LUYỆN

Lớp: TCB60A Học kỳ: II Năm học 2025 - 2026

| Stt | Mã SV | Họ và tên | Điểm rèn luyện | Xếp loại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | NCB60001 | Nguyễn Ngọc An | 50 | Trung bình | |
| 2 | NCB60002 | Hồ Tuấn Anh | 71 | Khá | |
| 3 | NCB60018 | Phạm Tuấn Anh | 80 | Tốt | |
| 4 | MA60008 | Quách Hải Bắc | 64 | Trung bình | |
| 5 | NCB60003 | Đào Nguyễn Ngọc Đức | 71 | Khá | |
| 6 | MA60007 | Phạm Văn Duy | 74 | Khá | |
| 7 | NCB60004 | Dương Thu Hà | 81 | Tốt | |
| 8 | MA60005 | Trần Việt Hà | 76 | Khá | |
| 9 | NCB60005 | Nguyễn Huy Hoàng | 71 | Khá | |
| 10 | NCB60019 | Nguyễn Trường Huy | 67 | Trung bình | |
| 11 | NCB60006 | Trần Nguyễn Hải Huy | 71 | Khá | |
| 12 | NCB60007 | Lê Phương Khanh | 67 | Trung bình | |
| 13 | NCB60008 | Nguyễn Nam Khánh | 67 | Trung bình | |
| 14 | NCB60009 | Đỗ Ngọc Phương Linh | 71 | Khá | |
| 15 | NCB60010 | Phùng Hương Ly | 71 | Khá | |
| 16 | NCB60011 | Nguyễn Quang Minh | 64 | Trung bình | |
| 17 | NCB60012 | Mai Minh Nguyên | 74 | Khá | |
| 18 | NCB60013 | Nguyễn Duy Phương | 74 | Khá | |
| 19 | NCB60014 | Hoàng Quân | 64 | Trung bình | |
| 20 | NCB60015 | Văn Như Quỳnh | 64 | Trung bình | |
| 21 | MA60002 | Kiều Thanh Thủy | 77 | Khá | |
| 22 | NCB60020 | Nguyễn Sỹ Tiến | 67 | Trung bình | |
| 23 | NCB60016 | Lê Anh Tuấn Tú | 74 | Khá | |
| 24 | NCB60017 | Đỗ Bảo Yến | 81 | Tốt | |

**Tổng hợp kết quả tập thể lớp**

| Xếp loại | Số lượng | Tỷ lệ % |
|---|---|---|
| Xuất sắc | 0 | 0.00% |
| Tốt | 3 | 12.50% |
| Khá | 12 | 50.00% |
| Trung bình | 9 | 37.50% |
| Yếu | 0 | 0.00% |
| Kém | 0 | 0.00% |

*Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

**PHÒNG CÔNG TÁC HSSV**

**Lê Diệu Thúy**

**Người lập biểu**

**Hoàng Thị Tuyết Mai**